TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 11-9-2017.
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thế Hòa.

2. Bà Trần Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Hoàn - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2017/QĐXX-DS ngày 24/8/2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị V; trú tại địa chỉ: 36 M, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Anh D; địa chỉ: Z 13th S, B, MN, Hoa kỳ – Có mặt.

Chỗ ở hiện nay: T, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị V trình bày: Tôi và anh D đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2016, tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn có

tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn, tôi vẫn biết hai người không hợp tính nhau, anh D nghiện game, hay có thái độ xử sự với tôi không được bình thường khi hai người ở gần nhau, nhưng tôi vẫn tin tưởng anh D thay đổi và cho anh D cơ hội để thay đổi. Vì vậy, tôi đã kết hôn với anh D. Sau khi kết hôn, anh D và tôi sống chung được ba tuần. Thời gian chung sống anh D chơi game từ sáng đến tối, không quan tâm đến tôi. Tôi có nói anh thì hai vợ chồng lại xung đột, những lúc như vậy anh D còn xô xát với tôi và không cho tôi ra khỏi phòng làm cho tôi rất sợ. Anh còn đòi xé đăng ký kết hôn khi mỗi lần tôi và anh mâu thuẫn. Sau đó, anh D ra nước ngoài sinh sống. Chúng tôi không gặp nhau hàng ngày chỉ liên hệ qua điện thoại và Face Book. Tôi luôn có cảm giác bị làm phiền khi hai người liên lạc với nhau qua điện thoại. Anh D thường hay điện thoại và đe dọa tự tử nếu tôi ly dị anh. Do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, lại ở quá xa nhau. Tôi luôn có cảm giác bất an và sợ khi gặp anh, nên tôi không muốn gặp anh D. Thực tế hôn nhân của chúng tôi không còn tồn tại. Từ tháng 5/2017 anh D về Việt Nam, nhưng do tôi không còn tình cảm với anh D nên vợ chồng cũng không gặp nhau, cũng không có quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau. Nay tôi không còn tình cảm gì với anh D, mâu thuẫn giữa chúng tôi không thể khắc phục, nếu níu kéo cuộc sống chung như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người, mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được. Vì vậy, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D. Trong quá trình chung sống chúng tôi chưa có con chung, cũng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D trình bày: Tôi và V đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2016, việc kết hôn có tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thực tế chúng tôi mới chung sống với nhau được ba tuần, trong thời gian chung sống chúng tôi đã xảy ra xô xát, tôi đòi xé giấy kết hôn, nhưng đó chỉ là do vợ chồng xung đột, có lần vợ tôi cũng đem giấy kết hôn ra hù xé giấy kết hôn trước mặt tôi. Tôi thấy vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn lặt vặt. Do tôi và V ở xa nhau, nên ít có tâm sự và gần gũi nhau, do V không muốn gặp và gẫn gũi tôi. Vì vậy, mặc dù tôi đã về Việt Nam sinh sống từ tháng 5/2017 đến nay, nhưng tôi và V không chung sống với nhau, không gặp nhau, lúc nào cô ấy cũng né tránh tôi. Tôi nhận thấy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của chúng tôi như hiện nay cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích gì. Tuy nhiên, tôi vẫn còn tình cảm với V, mặc dù hai chúng tôi có xảy ra bất đồng quan điểm sống, tôi có chơi game nhưng hiện nay tôi đã thay đổi, tôi sẽ cố gắng để V suy nghĩ lại và chung sống với tôi. Vì vậy, tôi mong muốn được đoàn tụ với V để vợ chồng tiếp tục chung sống. Nếu phải ly hôn chúng tôi chưa có con chung, cũng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông D là công dân nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Các đương sự thừa nhận trong quá trình chung sống các đương sự hay xảy ra xô xát, bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên mặc dù anh D về nước từ tháng 5/2017 đến nay, nhưng anh chị cũng không gặp và chung sống với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được. Vì vậy, đơn xin yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của chị V. Cho chị V được ly hôn với anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị V và anh D đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2016, tại UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị mới chung sống với nhau được ba tuần, nhưng giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột, bất đồng quan điểm. Sau đó Anh D sinh sống ở nước ngoài, do cách trở về địa lý, anh chị chỉ liên hệ với nhau qua điện thoại và Face Book. Chị V luôn có cảm giác bị làm phiền khi hai người liên lạc với nhau qua điện thoại và bất an khi gặp anh D. Vì vậy, tháng 5/2017 anh D về Việt Nam cho đến nay, do không còn tình cảm với anh D và lo sợ khi ở gần anh D, nên vợ chồng cũng không gặp nhau. Nay chị xác định chị không còn tình

cảm gì với anh D, thực tế anh chị đã không sống chung với nhau ngay cả khi anh D về Việt Nam, nếu tiếp tục cuộc sống chung như hiện nay cũng không đạt được mục đích gì, nên chị xin được ly hôn anh D. Anh D cho rằng: Mặc dù vợ chồng anh có xảy ra xung đột, bất đồng quan điểm sống có lần cả hai người đều đòi xé giấy đăng ký kết hôn, nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức ly hôn. Hiện nay anh chị ít gặp gỡ gần gũi nhau là do chị V không muốn gặp anh. Từ tháng 5/2017 đến nay, anh về Việt Nam sinh sống, nhưng do chị V luôn né tránh anh, nên vợ chồng anh cũng không gặp và chung sống với nhau. Anh nhận thấy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay cũng không đạt được mục đích gì. Tuy nhiên, anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị V, nên anh xin được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay chị V không còn tình cảm đối với anh D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân của anh chị như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Mặc dù anh D có yêu cầu xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, anh cũng khẳng định chị V luôn có cảm giác bất an khi ở cạnh anh nên không muốn gặp mà né tránh anh. Anh cũng thừa nhận nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin được đoàn tụ với chị V của anh D, mà cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh D của chị V. Cho chị V được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị chưa có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[2.3] Về tài sản: Chị V và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] *Tuyên xử:*

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh D của chị V. Chị V được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị chưa có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[2.3] Về tài sản: Chị V và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Đức D1 đã nộp thay chị V, theo biên lai thu số 0004435 ngày 10/8/2017, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;;*
- *Các đương sự;*
- *UBND thị xã B;*
- *Cổng thông tin điện tử Tòa án;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Thị Phượng